

Số: 791 /GDĐT-PCGD

Củ Chi, ngày 07 tháng 7 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục và hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng 6 tháng năm 2021**

Căn cứ Kế hoạch số 1468/KH-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của UBND huyện Củ Chi về triển khai nội dung thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục bậc trung học trên địa bàn huyện năm 2021;

Căn cứ tình hình thực hiện công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục và hoạt động các Trung tâm học tập cộng đồng tháng 6 năm 2021, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi báo cáo kết quả thực hiện như sau:

## **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

### **1. Thuận lợi**

- Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo luôn nắm bắt tình hình, quán triệt nhiệm vụ của ngành, chủ động tham mưu kịp thời với lãnh đạo huyện về công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục và xã hội học tập trong toàn ngành vào các buổi họp định kỳ hiệu trưởng, phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên phụ trách xóa mù chữ - phổ cập giáo dục đơn vị, tạo nên sự phối hợp đồng bộ trong tất cả các ngành học, bậc học.

- Chỉ tiêu công tác xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục bậc trung học được giao trực tiếp cho UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ năm 2021.

- Ban Chỉ đạo công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục huyện, xã và thị trấn luôn quan tâm, theo dõi kiểm tra và có biện pháp duy trì sĩ số học viên các lớp xóa mù chữ - phổ cập giáo dục cũng như thực hiện kế hoạch xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, hoạt động trung tâm học tập cộng đồng đầu năm 2021.

### **2. Khó khăn**

- Học sinh học lực yếu không muốn đến trường lớp để học và thiếu sự quan tâm chăm sóc của gia đình dẫn đến bỏ học. Một số giáo viên dạy lớp phổ cập giáo dục bậc trung học không phải là người địa phương, việc đi lại khó

khẩn. Học sinh lười học, phụ huynh học sinh thiếu quan tâm nhắc nhở học sinh đến trường chính vì thế các em đến lớp học phổ cập không thường xuyên.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 có chiều hướng diễn biến phức tạp, học sinh các trường phải học trực tuyến nên cũng ảnh hưởng đến quá trình học tập của học sinh.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2021**

### **1. Đánh giá kết quả thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục các bậc học 6 tháng năm 2021**

- Chuẩn bị đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách xóa mù chữ, phổ cập giáo dục các xã, thị trấn trên địa bàn huyện năm 2020 phục vụ cho công tác kiểm tra nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Tham gia đoàn kiểm tra hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các quận, huyện năm 2020 theo Quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tại Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ - Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thực hiện báo cáo sơ kết, tổng kết công tác phổ cập bơi, an toàn phòng đuối nước cho trẻ em, học sinh năm học 2020-2021 và báo cáo công tác phổ cập bơi lội, phòng chống đuối nước giai đoạn năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021.

- Rà soát, tổng hợp tình hình học sinh nghỉ, bỏ học năm học 2020-2021 của các bậc học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên.

- Xây dựng Kế hoạch chuẩn bị đón đoàn kiểm tra kỹ thuật nghiệp vụ công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động tháng, quý của các Trung tâm học tập cộng đồng của 21 xã, thị trấn, qua đó có giải pháp kiểm tra nhắc nhở các trung tâm học tập cộng đồng có hoạt động chưa đạt yêu cầu theo kế hoạch đề ra.

- Tổng hợp tình hình chăm lo tết cho người có công cách mạng, diện bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo xóa mù chữ - phổ cập giáo dục, Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập và kiện toàn Ban Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng của các xã, thị trấn năm 2021.

- Tập huấn công tác rà soát số liệu phổ cập giáo dục mầm non các quận, huyện tại Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện xây dựng kế hoạch kiểm tra, khảo sát hồ sơ, sổ liệu công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2015) năm 2021.

- Tổng hợp tình hình nhân sự Ban Chỉ đạo xóa mù chữ - phổ cập giáo dục, Ban Chỉ đạo xã hội học tập và Ban Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn năm 2021 trình Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định kiện toàn.

- Tham mưu ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục và công tác xây dựng xã hội học tập năm 2020 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021.

- Tổ chức Hội nghị giao ban công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục các bậc học, triển khai kế hoạch kiểm tra công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2015) năm 2021.

- Duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục trung học các xã, thị trấn của năm 2021.

- Kiểm tra, khảo sát hồ sơ số liệu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2015) của 20 xã và thị trấn, kết quả các xã, thị trấn đạt chỉ tiêu phổ cập giáo dục mầm non theo quy định.

- Duyệt phụ trội và tổng hợp phụ trội giảng dạy của giáo viên các bậc học THCS, THPT cho các trường: THCS Nguyễn Văn Xơ, THCS Phú Mỹ Hưng, THCS Tân Phú Trung, THCS An Nhơn Tây, THCS Phạm Văn Cội, THCS Tân Thạnh Đông, THCS Trung Lập, THPT Quang Trung, THPT Tân Thông Hội, THPT Trung Lập, THPT Trung Phú, THPT An Nhơn Tây, THPT Phú Hòa, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên huyện Củ Chi.

- Hoàn chỉnh tổng hợp công tác xét tốt nghiệp trung học cơ sở cho học viên các lớp 9 phổ cập của các trường THCS trên địa bàn huyện.

- Góp ý dự thảo Kế hoạch hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025.

- Báo cáo tổng kết công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục, xây dựng xã hội học tập năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.

## **2. Kết quả thực hiện công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các bậc học 6 tháng năm 2021**

### **2.1. Xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ**

Hiện nay 21 xã, thị trấn không còn người trong diện xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ. Do đó không có lớp học.

### **2.2. Phổ cập giáo dục mầm non**

Thực hiện hoàn chỉnh các loại hồ sơ kiểm tra khảo sát hồ sơ số liệu công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2015) theo Kế hoạch số 249/KH-GDDT ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

### **2.3. Phổ cập giáo dục tiểu học**

Tiếp tục đề nghị các trường rà soát số liệu học sinh nghỉ, bỏ học trong năm học để có kế hoạch tham mưu Ban Chỉ đạo xóa mù chữ - phổ cập giáo dục các xã, thị trấn vận động học sinh trở lại lớp các hệ phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên.

### **2.4. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

Hoàn chỉnh đánh giá xếp loại 2 mặt giáo dục cho học viên các lớp 6, 7, 8 và đóng tập hồ sơ xét tốt nghiệp THCS cho học viên lớp 9 phổ cập các trường: THCS Nguyễn Văn Xơ, THCS Tân Phú Trung, THCS Trung Lập, THCS An Nhơn Tây, THCS Phú Mỹ Hưng, THCS Phạm Văn Cội và THCS Tân Thạnh Đông.

### **2.5. Phổ cập giáo dục bậc trung học**

Hoàn chỉnh đánh giá xếp loại 2 mặt giáo dục cho học viên các lớp 10, 11 THPT và hoàn chỉnh công tác đăng ký thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2021 cho học viên lớp 12 các trường: THPT Trung Lập, THPT Tân Thông Hội, THPT Quang Trung, THPT An Nhơn Tây, THPT Trung Phú, THPT Phú Hòa, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên huyện Củ Chi.

## **3. Kết quả thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập, trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn 6 tháng năm 2021**

- Trung tâm học tập cộng đồng của 21 xã, thị trấn hoạt động đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo với tổng số lượt người tham gia các lớp chuyên đề ngắn và lớp dài hạn là 239.691 lượt người; tổng số buổi thực hiện là 2.881 buổi; tổng số chuyên đề thực hiện là: 1.835 chuyên đề.

- Nguồn kinh phí hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng được vận dụng từ các nguồn với tổng số tiền là: 3.575.290.000 đồng. Trong đó:

- + Nguồn ngân sách huyện, thành phố: 89.622.000 đồng;
- + Nguồn ngân sách xã, thị trấn: 1.446.724.000 đồng;
- + Nguồn xã hội hóa giáo dục: 2.038.944.000 đồng.

Hoạt động chuyên môn của các trung tâm học tập cộng đồng chủ yếu tập trung vào các chuyên đề nâng cao trình độ dân trí cho người dân, các chuyên đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: Các lớp xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, chuyên đề phổ cập Tin học, tập huấn kỹ thuật nông nghiệp, tập huấn nghề ngắn hạn, tư vấn kinh tế gia đình, tuyên truyền giáo dục pháp luật, tuyên truyền y tế sức khỏe, văn nghệ thể dục thể thao, tuyên truyền giáo dục kỹ năng sống, tuyên truyền giáo dục môi trường và một số chuyên đề khác.

*Đề nghị:* Ban Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn cần tăng cường các biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động (xã Phước Vĩnh An, xã Phú Mỹ Hưng, xã Phước Hiệp, xã Bình Mỹ).

### **III. THỰC HIỆN CHỈ TIÊU XÓA MÙ CHỮ - PHỔ CẬP GIÁO DỤC NĂM 2021**

#### **1. Đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ - phổ cập giáo dục**

- Có 21/21 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2020. Ban Chỉ đạo đang tiến hành hoàn thành khảo sát hồ sơ, số liệu phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2021.

- Có 21/21 xã, thị trấn đạt chuẩn công tác xóa mù chữ - giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ năm 2020. Hiện nay không còn học viên xóa mù chữ - giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

- Có 21/21 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học năm 2020.

#### **2. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

- Có 21/21 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS năm 2020.

- Có 07/21 xã, thị trấn đã hoàn thành đánh giá xếp loại 2 mặt giáo dục cho học sinh lớp 6, 7, 8 và xét tốt nghiệp THCS cho học sinh lớp 9 năm học 2020-2021 gồm: xã Tân Phú Trung, xã Thái Mỹ, xã Trung Lập Thượng, xã An Nhơn Tây, xã Phú Mỹ Hưng, xã Phạm Văn Cội và xã Tân Thạnh Đông.

#### **3. Phổ cập giáo dục bậc trung học**

- Có 21/21 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học năm 2020.

- Có 15/21 xã, thị trấn đã hoàn thành đánh giá xếp loại 2 mặt giáo dục các lớp 10, 11 và đăng ký hồ sơ kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2021 gồm: xã Tân Phú Trung, xã Tân Thông Hội, xã Tân An Hội, xã Phước Hiệp, xã Phước Thạnh, xã Thái Mỹ, xã Trung Lập Hạ, xã Trung Lập Thượng, xã An Nhơn Tây, xã An Phú, xã Phú Mỹ Hưng, xã Nhuận Đức, xã Phạm Văn Cội, xã Phú Hòa Đông và xã Tân Thạnh Đông.

### **IV. TRỌNG TÂM CÔNG TÁC THÁNG 7 NĂM 2021**

#### **1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện**

- Tiếp tục kiểm tra đánh giá hiệu quả về duy trì hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; theo dõi tiến độ xây dựng kế hoạch xã hội học tập và kế hoạch công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các xã, thị trấn năm 2021.

- Kiểm tra và tổng hợp hồ sơ, số liệu khảo sát phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2015) các trường mầm non công lập và ngoài công lập trên địa bàn huyện năm 2021.

- Theo dõi, nhắc nhở việc huy động học sinh bỏ học năm học 2020-2021 ra lớp phổ thông hoặc phổ cập và thực hiện các chỉ tiêu giáo dục, tỉ lệ đạt chuẩn quốc gia về công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2021 của các xã, thị trấn.

- Kiểm tra số liệu phần mềm xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các trường, xã, thị trấn.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch tổng điều tra trình độ văn hóa và nghề, kiểm tra khảo sát số liệu xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, phổ cập giáo dục các bậc học của các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn xã, thị trấn năm 2021.

## **2. Đối với UBND các xã, thị trấn**

- Tiếp tục đề nghị kiện toàn Ban Chỉ đạo xóa mù chữ - phổ cập giáo dục, Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, Ban Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng xã khi có thay đổi nhân sự.

- Triển khai Kế hoạch phối kiểm các đối tượng bỏ học trên địa bàn xã, thị trấn năm học 2020- 2021; tiếp tục vận động các em ra lớp phổ thông hoặc phổ cập giáo dục. Riêng học sinh bỏ học lớp 9 và lớp 12 vận động các em ra lớp đến đầu tháng 8 năm 2021 theo kế hoạch đề ra để được xét tốt nghiệp THCS (tháng 5/2022) và dự thi tốt nghiệp THPT, BT/THPT, nghề trung cấp (tháng 7/2022).

- Tiến hành phân công thành viên trong Ban Chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục theo dõi tiến độ thực hiện chỉ tiêu và báo cáo tình hình hoạt động các lớp xóa mù chữ - giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, phổ cập giáo dục trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục bậc trung học về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Ban Chỉ đạo xóa mù chữ và phổ cập giáo dục xã, thị trấn cần quan tâm, theo dõi tiến độ thực hiện công tác vận động và duy trì lớp để tránh tình trạng khai giảng rồi nhưng không duy trì được các lớp xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

- Theo dõi, kiểm tra lưu trữ hồ sơ sổ sách đầy đủ; có kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trung tâm học tập cộng đồng những tháng còn lại của năm 2021 bình quân ít nhất 8 chuyên đề/tháng.

- Ban Giám đốc các Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn xây dựng lại Quy chế hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng, tiếp tục hàng quý có sơ kết đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và rút kinh nghiệm, nhân rộng các

diễn hình tiên tiến và tổng kết khen thưởng kịp thời nhằm động viên khích lệ cá nhân, tập thể đóng góp công sức cho cộng đồng.

- Kiểm tra đánh giá hiệu quả, duy trì các hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng. Đồng thời theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng các tháng còn lại của năm 2021.

### **3. Đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, trung cấp nghề**

- Tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch 1468/KH-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về triển khai thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục bậc trung học trên địa bàn huyện Củ Chi năm 2021.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy ở các bậc học, có biện pháp phụ đạo học sinh yếu, phát hiện kịp thời học sinh có nguy cơ bỏ học, tăng cường công tác chủ nhiệm và nắm chắc hoàn cảnh từng học sinh để tư vấn kịp thời nhằm kéo giảm tỉ lệ lưu ban, bỏ học ở các bậc học, nhất là bậc trung học và nâng cao hiệu suất đào tạo.

- Tăng cường công tác vận động học sinh bỏ học đến lớp, đa dạng hóa các loại hình học tập, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của nhiều tầng lớp nhân dân, mở rộng hình thức dạy nghề tạo điều kiện để các đối tượng bỏ học trung học phổ thông theo học các lớp nghề phù hợp.

- Sắp xếp, tinh giản đội ngũ giáo viên chuyên trách các bậc học nhằm phục vụ tốt cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các xã, thị trấn các tháng còn lại của năm 2021 và những năm tiếp theo.

Đề nghị Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, Ban Chỉ đạo công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục, Ban Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng triển khai các hoạt động đúng theo kế hoạch đề ra và thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đúng thời gian quy định. /

#### **Nơi nhận:**

- Trưởng Ban Chỉ đạo công tác XMC- PCGD huyện;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn;
- Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS và THPT;
- Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX;
- Lưu VT, Bộ phận XMC-PCGD (1), PNB Nam (30).



**Trần Văn Toàn**



BÁO CÁO

Tình hình khai giảng và học tập các lớp XMC-GDTTSKBC các xã, thị trấn tháng 6 và 6 tháng năm 2021

Thời điểm báo cáo: 07/7/2021

| TT   | Tên đơn vị<br>Xã, Thị Trấn | Tên Trường<br>THCS phụ trách | TS<br>Lớp | Chia ra |    |    |    | TS<br>HS | Chia ra    |    |            |    |            |    | Ngày, tháng<br>khai giảng | Ngày, tháng<br>kết thúc | Thời gian<br>giảng dạy | Ngày học     | Địa điểm lớp học |                            |                            |
|------|----------------------------|------------------------------|-----------|---------|----|----|----|----------|------------|----|------------|----|------------|----|---------------------------|-------------------------|------------------------|--------------|------------------|----------------------------|----------------------------|
|      |                            |                              |           | L6      | L7 | L8 | L9 |          | L6         |    | L7         |    | L8         |    |                           |                         |                        |              |                  | L9                         |                            |
|      |                            |                              |           |         |    |    |    |          | Tổng<br>số | Nữ | Tổng<br>số | Nữ | Tổng<br>số | Nữ |                           |                         |                        |              |                  | Tổng<br>số                 | Nữ                         |
| 1    | Tân Phú Trung              | Tân Phú Trung                | 1         |         |    |    |    | 1        | 8          |    |            |    |            | 8  | 1                         | 19/9/2020               | 07/5/2021              | 17h30->20h45 | Thứ 2 ->6        | Trường THCS Trần Phú Trung |                            |
| 2    | Tân Thông Hội              | Tân Thông Hội                | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
|      |                            | Tân Tiến                     | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 3    | Tân An Hội                 | Thị Trấn Củ Chi              | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
|      |                            | Tân An Hội                   | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 4    | Thị Trấn                   | Thị Trấn 2                   | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 5    | Phước Vĩnh An              | Phước Vĩnh An                | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 6    | Phước Hiệp                 | Phước Hiệp                   | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 7    | Phước Thạnh                | Phước Thạnh                  | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 8    | Thái Mỹ                    | Nguyễn Văn Xơ                | 2         |         |    | 1  | 1  | 31       |            |    |            |    |            | 18 | 2                         | 21/9/2020               | 07/5/2021              | 18h00->21h20 | Thứ 2 ->6        | Trường THCS Nguyễn Văn Xơ  |                            |
| 9    | Trung Lập Hạ               | Trung Lập Hạ                 | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 10   | Trung L. Thượng            | Trung Lập                    | 2         |         |    | 1  | 1  | 18       |            |    |            |    |            | 8  | 4                         | 20/9/2020               | 07/5/2021              | 18h00->21h00 | Thứ 2 ->6        | Trường THCS Trung Lập      |                            |
| 11   | An Nhơn Tây                | An Nhơn Tây                  | 2         |         |    | 1  | 1  | 18       |            |    |            |    |            | 8  | 0                         | 21/9/2020               | 07/5/2021              | 18h00->21h20 | Thứ 2 ->6        | Trường THCS An Nhơn Tây    |                            |
| 12   | An Phú                     | An Phú                       | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 13   | Phú Mỹ Hưng                | Phú Mỹ Hưng                  | 1         |         |    |    |    | 1        | 7          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 14   | Nhuận Đức                  | Nhuận Đức                    | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 15   | Phạm Văn Cội               | Phạm Văn Cội                 | 2         |         |    | 1  | 1  | 12       |            |    |            |    |            | 6  | 2                         | 21/9/2020               | 07/5/2021              | 18h00->20h40 | Thứ 2 ->5        | Trường THCS Phạm Văn Cội   |                            |
| 16   | Phú Hòa Đông               | Phú Hòa Đông                 | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 17   | Tân Thạnh Tây              | Tân Thạnh Tây                | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 18   | Tân Thạnh Đông             | Tân Thạnh Đông               | 4         | 1       | 1  | 1  | 1  | 70       | 12         | 0  | 13         | 3  | 18         | 5  | 27                        | 6                       | 18/9/2020              | 07/5/2021    | 18h30->21h10     | Thứ 2 ->6                  | Trường THCS Tân Thạnh Đông |
| 19   | Trung An                   | Trung An                     | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 20   | Hòa Phú                    | Hòa Phú                      | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| 21   | Bình Mỹ                    | Bình Hòa                     | 0         |         |    |    |    |          | 0          |    |            |    |            |    |                           |                         |                        |              |                  |                            |                            |
| Cộng |                            |                              | 14        | 1       | 1  | 5  | 7  | 164      | 12         | 0  | 13         | 3  | 58         | 13 | 81                        | 14                      |                        |              |                  |                            |                            |

CHUYÊN VIÊN PHỤ TRÁCH  
*Phan Nghĩa Bình Nam*  
Phan Nghĩa Bình Nam

TRƯỞNG PHÒNG  
*Trần Văn Toàn*  
Trần Văn Toàn

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI GIẢNG VÀ HỌC TẬP CÁC LỚP PHỔ CẬP TRUNG HỌC CƠ SỞ CÁC XÃ, THỊ TRẤN  
KHAI GIẢNG NĂM 2020 DUY TRÌ NĂM 2021**

Thời điểm báo cáo: ngày 07/7/2021

| S    | Tên đơn vị     | Tên Trường      | T số | Chia ra |     |     |     |     | T số | Chia ra |    |         |    |         |           | Ngày, tháng<br>khai giảng | Ngày, tháng<br>kết thúc | Thời gian<br>giảng dạy | Ngày học                  | Địa điểm lớp học          |                            |    |
|------|----------------|-----------------|------|---------|-----|-----|-----|-----|------|---------|----|---------|----|---------|-----------|---------------------------|-------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|----|
|      |                |                 |      | L 6     | L 7 | L 8 | L 9 | HS  |      | L 6     |    | L 7     |    | L 8     |           |                           |                         |                        |                           |                           | L 9                        |    |
|      |                |                 |      |         |     |     |     |     |      | Tổng số | Nữ | Tổng số | Nữ | Tổng số | Nữ        |                           |                         |                        |                           |                           | Tổng số                    | Nữ |
| 1    | Tân Phú Trung  | Tân Phú Trung   | 1    |         |     |     | 1   | 8   |      |         |    |         |    |         | 19/9/2020 | 20/4/2021                 | 17h30->20h45            | Thứ 2 ->6              | Trường THCS Tân Phú Trung |                           |                            |    |
| 2    | Tân Thông Hội  | Tân Thông Hội   | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
|      |                | Tân Tiến        | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 3    | Tân An Hội     | Thị Trấn Cù Chi | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
|      |                | Tân An Hội      | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 4    | Thị Trấn       | Thị Trấn 2      | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 5    | Phước Vĩnh An  | Phước Vĩnh An   | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 6    | Phước Hiệp     | Phước Hiệp      | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 7    | Phước Thạnh    | Phước Thạnh     | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 8    | Thái Mỹ        | Nguyễn văn Xơ   | 2    |         |     | 1   | 1   | 31  |      |         |    | 18      | 2  | 13      |           | 21/9/2020                 | 07/5/2021               | 18h00->21h20           | Thứ 2 ->6                 | Trường THCS Nguyễn Văn Xơ |                            |    |
| 9    | Trung Lập Hạ   | Trung Lập Hạ    | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 10   | Trung L Thượng | Trung Lập       | 2    |         |     | 1   | 1   | 18  |      |         |    | 8       | 4  | 10      | 3         | 20/9/2020                 | 10/5/2021               | 18h00->21h00           | Thứ 2 ->6                 | Trường THCS Trung Lập     |                            |    |
| 11   | An Nhơn Tây    | An Nhơn Tây     | 2    |         |     | 1   | 1   | 18  |      |         |    | 8       | 0  | 10      | 0         | 21/9/2020                 | 07/5/2021               | 18h00->21h20           | Thứ 2 ->6                 | Trường THCS An Nhơn Tây   |                            |    |
| 12   | An Phú         | An Phú          | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 13   | Phú Mỹ Hưng    | Phú Mỹ Hưng     | 1    |         |     |     | 1   | 7   |      |         |    |         |    | 7       | 1         | 25/9/2020                 | 01/5/2021               | 18h00->21h10           | Thứ 2 ->6                 | Trường THCS Phú Mỹ Hưng   |                            |    |
| 14   | Nhuận Đức      | Nhuận Đức       | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 15   | Phạm Văn Cội   | Phạm Văn Cội    | 2    |         |     | 1   | 1   | 12  |      |         |    | 6       | 2  | 6       | 3         | 21/9/2020                 | 21/5/2021               | 18h00->20h40           | Thứ 2 ->5                 | Trường THCS Phạm Văn Cội  |                            |    |
| 16   | Phú Hòa Đông   | Phú Hòa Đông    | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 17   | Tân Thạnh Tây  | Tân Thạnh Tây   | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 18   | Tân Thạnh Đông | Tân Thạnh Đông  | 4    | 1       | 1   | 1   | 1   | 70  | 12   | 0       | 13 | 3       | 18 | 5       | 27        | 6                         | 18/9/2020               | 16/5/2021              | 18h30->21h10              | Thứ 2 ->6                 | Trường THCS Tân Thạnh Đông |    |
| 19   | Trung An       | Trung An        | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 20   | Hòa Phú        | Hòa Phú         | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| 21   | Bình Mỹ        | Bình Hòa        | 0    |         |     |     |     | 0   |      |         |    |         |    |         |           |                           |                         |                        |                           |                           |                            |    |
| Tổng |                |                 | 14   | 1       | 1   | 5   | 7   | 164 | 12   | 0       | 13 | 3       | 58 | 13      | 81        | 14                        |                         |                        |                           |                           |                            |    |

CHUYÊN VIÊN PHỤ TRÁCH

Phan Nghĩa Bình Nam



**BÁO CÁO**

Tình hình học tập các lớp phổ cập giáo dục bậc trung học các xã, thị trấn - Khai giảng năm 2020, duy trì năm 2021

Thời điểm báo cáo, ngày 07 tháng 7 năm 2021

Thời điểm báo cáo, ngày 07 tháng 7 năm 2021

| Số TT      | Tên đơn vị<br>Xã, Thị Trấn | Tên Trường<br>THPT phụ trách | Theo khối   |        |        | Tổng số học viên | Tổng số học viên Nữ | Số học viên theo khối lớp |            |    |            |    |            | Ngày khai giảng | Ngày kết thúc | Thời gian giảng dạy | Ngày học trong tuần<br>Thứ - Thứ >Thứ | Địa điểm lớp học |                            |
|------------|----------------------------|------------------------------|-------------|--------|--------|------------------|---------------------|---------------------------|------------|----|------------|----|------------|-----------------|---------------|---------------------|---------------------------------------|------------------|----------------------------|
|            |                            |                              | Tổng số lớp | Lớp 10 | Lớp 11 |                  |                     | Lớp 12                    | Lớp 10     |    | Lớp 11     |    | Lớp 12     |                 |               |                     |                                       |                  |                            |
|            |                            |                              |             |        |        |                  |                     |                           | Trong diện | Nữ | Trong diện | Nữ | Trong diện |                 |               |                     |                                       |                  | Nữ                         |
| 1          | Tân Phú Trung              | Tân Thông Hội                | 03          | 01     | 01     | 01               | 43                  | 14                        | 13         | 04 | 14         | 03 | 16         | 07              | 15/9/2020     | 23/5/2021           | 18h15->21h20                          | Thứ 2 -> 7       | Trường THCS Tân Phú Trung  |
| 2          | Tân Thông Hội              | Tân Thông Hội                | 03          | 01     | 01     | 01               | 36                  | 12                        | 13         | 05 | 08         | 03 | 15         | 04              | 28/9/2020     | 15/5/2021           | 18h30->21h10                          | Thứ 2 -> 7       | Trường THPT Tân Thông Hội  |
| 3          | Tân An Hội                 |                              |             |        |        |                  |                     |                           |            |    |            |    |            |                 |               |                     |                                       |                  |                            |
| 4          | Thị Trấn                   | Cù Chi                       | 00          |        |        |                  | 00                  | 00                        |            |    |            |    |            |                 |               |                     |                                       |                  |                            |
| 5          | Phước Vĩnh An              | Cù Chi                       | 00          |        |        |                  | 00                  | 00                        |            |    |            |    |            |                 |               |                     |                                       |                  |                            |
| 8          | Phước Hiệp                 | Quang Trung                  | 01          | 01     |        |                  | 08                  | 02                        | 08         | 02 |            |    |            |                 | 01/10/2020    | 29/5/2021           | 18h30->21h10                          | Thứ 2 -> 5       | Trường THCS Phước Hiệp     |
| 7          | Phước Thạnh                | Quang Trung                  | 02          | 01     | 01     |                  | 40                  | 16                        | 25         | 07 | 15         | 09 |            |                 | 01/10/2020    | 29/5/2021           | 18h30->21h10                          | Thứ 2 -> 5       | Trường THPT Quang Trung    |
| 8          | Thái Mỹ                    | Quang Trung                  | 02          | 01     | 01     |                  | 35                  | 07                        | 20         | 04 | 15         | 03 |            |                 | 01/10/2020    | 29/5/2021           | 18h30->21h10                          | Thứ 2 -> 5       | Trường THCS Nguyễn Văn Xơ  |
| 9          | Trung Lập Hạ               | Trung Lập                    |             |        |        |                  | 21                  | 09                        | 08         | 03 | 04         | 02 | 09         | 04              |               |                     |                                       |                  |                            |
| 10         | Trung Lập Thượng           | Trung Lập                    | 03          | 01     | 01     | 01               | 26                  | 10                        | 09         | 04 | 08         | 04 | 09         | 02              | 15/9/2020     | 20/5/2021           | 18h30->21h10                          | Thứ 2 -> 6       | Trường TH Trung Lập Hạ     |
| 11         | An Nhơn Tây                | An Nhơn Tây                  |             |        |        |                  | 39                  | 11                        | 18         | 07 | 09         | 01 | 12         | 03              |               |                     |                                       |                  |                            |
| 12         | An Phú                     | An Nhơn Tây                  | 04          | 02     | 01     | 01               | 26                  | 16                        | 17         | 12 | 07         | 04 | 02         | 00              | 08/9/2020     | 15/5/2021           | 18h30->21h45                          | Thứ 2 -> 5       | Trường THPT An Nhơn Tây    |
| 13         | Phú Mỹ Hưng                | An Nhơn Tây                  |             |        |        |                  | 16                  | 04                        | 12         | 03 | 02         | 01 | 02         | 00              |               |                     |                                       |                  |                            |
| 14         | Nhuận Đức                  | Phú Hòa                      | 03          | 01     | 01     | 01               | 51                  | 24                        | 26         | 12 | 15         | 08 | 10         | 04              | 21/9/2020     | 16/5/2021           | 17h45->21h00                          | Thứ 2 -> 6       | Trường THCS Nhuận Đức      |
| 15         | Phú Hòa Đông               | Phú Hòa                      | 03          | 01     | 01     | 01               | 55                  | 30                        | 32         | 20 | 15         | 07 | 08         | 03              | 18/9/2020     | 16/5/2021           | 17h45->21h00                          | Thứ 2 -> 6       | Trường THPT Phú Hòa        |
| 16         | Phạm Văn Cội               | Phú Hòa                      | 00          |        |        |                  | 13                  | 00                        | 07         | 00 | 02         | 00 | 04         | 00              |               |                     |                                       |                  |                            |
| 17         | Tân Thạnh Tây              | Trung Phú                    | 00          |        |        |                  | 00                  | 00                        |            |    |            |    |            |                 |               |                     |                                       |                  |                            |
| 18         | Tân Thạnh Đông             | Trung Phú                    | 03          | 01     | 01     | 01               | 41                  | 13                        | 15         | 04 | 15         | 06 | 11         | 03              | 18/9/2020     | 15/5/2021           | 18h30->21h10                          | Thứ 2 -> 5       | Trường THCS Tân Thạnh Đông |
| 19         | Trung An                   | Trung Phú                    | 00          |        |        |                  | 00                  | 00                        |            |    |            |    |            |                 |               |                     |                                       |                  |                            |
| 20         | Hòa Phú                    | TT. GDNN-GDTX                | 00          |        |        |                  | 00                  | 00                        |            |    |            |    |            |                 |               |                     |                                       |                  |                            |
| 21         | Bình Mỹ                    | TT. GDNN-GDTX                | 00          |        |        |                  | 00                  | 00                        |            |    |            |    |            |                 |               |                     |                                       |                  |                            |
| TỔNG CỘNG: |                            |                              | 27          | 11     | 09     | 07               | 450                 | 168                       | 223        | 87 | 129        | 51 | 98         | 30              |               |                     |                                       |                  |                            |

TRƯỜNG PHÒNG  
CHUYÊN VIÊN PHỤ TRÁCH  
Trần Văn Toàn

Phan Nghĩa Bình Nam

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU GIAO CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2021  
VỀ XMC - GDTTSKBC- PC THCS VÀ PCGD BẬC TRUNG HỌC

Thời điểm báo cáo: ngày 07/7/2021

| ST<br>T |  | Tên đơn vị          | GDTTSKBC                                     |             |              | PCGD THCS ( 10 điểm) |                  |             | PCGD trung học (10 |                   |             | Huy động HS ra lớp (20 điểm) |                   |             | Duy trì sĩ số (10 điểm) |                 |                 |     |    |    |
|---------|--|---------------------|----------------------------------------------|-------------|--------------|----------------------|------------------|-------------|--------------------|-------------------|-------------|------------------------------|-------------------|-------------|-------------------------|-----------------|-----------------|-----|----|----|
|         |  |                     | Xóa mù chữ và<br>(người)                     | Chỉ<br>tiêu | Thực<br>hiện | Huy động học<br>(em) | Trẻ có độ<br>(%) | Chỉ<br>hiện | Thực<br>hiện       | Trẻ 5 tuổi<br>(%) | Chỉ<br>hiện | Thực<br>hiện                 | Trẻ 6 tuổi<br>(%) | Chỉ<br>hiện | Thực<br>c<br>hiện       | Tiêu học<br>(%) | THCS năm<br>(%) |     |    |    |
|         |  | Tổng cộng           | 0                                            | 0           |              | 248                  | 0                |             | 95                 | 0                 | 0           | 382                          |                   | 75          | 0                       | 100             | 0               | 100 | 0  | 99 |
| 1       |  | Xã Trung An         | 0                                            |             |              | 13                   |                  |             | 95                 |                   |             | 12                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 2       |  | Xã Phước Vĩnh An    | 0                                            |             |              | 12                   |                  |             | 95                 |                   |             | 16                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 3       |  | Xã Phạm Văn Cội     | 0                                            |             |              | 2                    |                  |             | 95                 |                   |             | 7                            |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 4       |  | Xã Tân Thạnh Đông   | 0                                            |             |              | 37                   |                  |             | 95                 |                   |             | 45                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 5       |  | Xã Nhuận Đức        | 0                                            |             |              | 7                    |                  |             | 95                 |                   |             | 13                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 6       |  | Xã Phú Hoà Đông     | 0                                            |             |              | 20                   |                  |             | 95                 |                   |             | 23                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 7       |  | Xã Trung Lập Hạ     | 0                                            |             |              | 9                    |                  |             | 95                 |                   |             | 5                            |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 8       |  | Xã Phú Mỹ Hưng      | 0                                            |             |              | 3                    |                  |             | 95                 |                   |             | 4                            |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 9       |  | Xã Tân Thông Hội    | 0                                            |             |              | 24                   |                  |             | 95                 |                   |             | 38                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 10      |  | Xã Tân An Hội       | 0                                            |             |              | 17                   |                  |             | 95                 |                   |             | 29                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 11      |  | Xã Phước Hiệp       | 0                                            |             |              | 10                   |                  |             | 95                 |                   |             | 20                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 12      |  | Xã Thái Mỹ          | 0                                            |             |              | 3                    |                  |             | 95                 |                   |             | 10                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 13      |  | Xã Bình Mỹ          | 0                                            |             |              | 8                    |                  |             | 95                 |                   |             | 15                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 14      |  | Xã An Phú           | 0                                            |             |              | 6                    |                  |             | 95                 |                   |             | 8                            |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 15      |  | Xã Hoà Phú          | 0                                            |             |              | 12                   |                  |             | 95                 |                   |             | 12                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 16      |  | Xã Tân Phú Trung    | 0                                            |             |              | 20                   |                  |             | 95                 |                   |             | 50                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 17      |  | Thị Trấn            | 0                                            |             |              | 9                    |                  |             | 95                 |                   |             | 28                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 18      |  | Xã An Nhơn Tây      | 0                                            |             |              | 11                   |                  |             | 95                 |                   |             | 11                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 19      |  | Xã Phước Thạnh      | 0                                            |             |              | 15                   |                  |             | 95                 |                   |             | 9                            |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 20      |  | Xã Tân Thanh Tây    | 0                                            |             |              | 5                    |                  |             | 95                 |                   |             | 20                           |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
| 21      |  | Xã Trung Lập Thượng | 0                                            |             |              | 5                    |                  |             | 95                 |                   |             | 7                            |                   | 75          |                         | 100             |                 |     | 95 | 99 |
|         |  |                     | Duy trì đạt tỉ lệ 100% công tác XMC-GDTTSKBC |             |              |                      |                  |             |                    |                   |             |                              |                   |             |                         |                 |                 |     |    |    |

CHUYÊN VIÊN PHỤ TRÁCH

*Phan Nghĩa Bình Nam*

Phan Nghĩa Bình Nam



Trần Văn Toàn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG THÁNG 6 NĂM 2021

Thời điểm: Đến ngày 07/7/2021

| I hời điểm: Đến ngày 07/11/2021 |                                        |           |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       |                |             |                           |     |    |    |    |     |     |       |      |      |     |       |       |           |             |             |             |   |   |
|---------------------------------|----------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------|--------------|--------------|-------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------|------------------------------------|----------------------------------|---------------|--------------|-------------------|-----------------------|----------------|-------------|---------------------------|-----|----|----|----|-----|-----|-------|------|------|-----|-------|-------|-----------|-------------|-------------|-------------|---|---|
| Stt                             | Tên đơn vị Trung tâm HTCD xã, thị trấn | Số TTHTCD | SỐ LƯỢT NGƯỜI THAM GIA HỌC TẬP VÀ HOẠT ĐỘNG THEO CÁC HÌNH THỨC |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       |                |             | KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG        |     |    |    |    |     |     |       |      |      |     |       |       |           |             |             |             |   |   |
|                                 |                                        |           | Xóa mù chữ - GDTT SKBC                                         | Phổ cập THCS | Phổ cập THPT | Ngoại ngữ Tin học | Tập huấn KT nông nghiệp | Tập huấn KT nghề ngành hạn | Tư vấn kinh tế gia đình | Tuyên truyền giáo dục p/lượt | Tuyên truyền Y tế sức khỏe | Văn nghệ TDTT | Tuyên truyền Giáo dục kỹ năng sống | Tuyên truyền Giáo dục môi trường | Nội dung khác | Tổng số buổi | Tổng số chuyên đề | Tổng số lượt tham gia | Kinh phí huyện | Kinh phí xã | Kinh phí mạnh thường quân |     |    |    |    |     |     |       |      |      |     |       |       |           |             |             |             |   |   |
| 1                               | 2                                      | 3         | 6                                                              | 7            | 8            | 9                 | 10                      | 11                         | 12                      | 13                           | 14                         | 15            | 16                                 | 17                               | 18            | 19           | 20                | 21                    | 22             | 23          | 24                        | 25  | 26 | 27 | 28 | 29  | 30  | 31    | 32   | 33   | 34  | 35    |       |           |             |             |             |   |   |
|                                 |                                        |           | TS                                                             | Nữ           | TS           | Nữ                | TS                      | Nữ                         | TS                      | Nữ                           | TS                         | Nữ            | TS                                 | Nữ                               | TS            | Nữ           | TS                | Nữ                    | TS             | Nữ          | TS                        | Nữ  | TS | Nữ | TS | Nữ  | TS  | Nữ    | TS   | Nữ   | TS  | Nữ    |       |           |             |             |             |   |   |
| 1                               | Xã Trung An                            | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 16             | 5           |                           |     |    |    |    |     |     | 1095  | 937  | 15   | 14  | 1111  | 942   | 0         | 0           | 64,529,000  |             |   |   |
| 2                               | Xã Phước Vĩnh An                       | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 17140          | 9022        |                           |     |    |    |    |     | 88  | 52    | 654  | 390  | 14  | 6     | 17882 | 9464      | 0           | 22,180,000  | 8,000,000   |   |   |
| 3                               | Xã Phạm Văn Cội                        | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 550            | 265         |                           |     |    |    |    |     |     | 128   | 74   | 8    | 5   | 678   | 339   | 0         | 7,500,000   | 0           | 0           |   |   |
| 4                               | Xã Tân Thạnh Đông                      | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 533            | 211         |                           |     |    |    |    |     |     |       |      | 60   | 10  | 533   | 211   | 0         | 0           | 0           | 0           |   |   |
| 5                               | Xã Nhuận Đức                           | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              | 290               | 146                   |                |             |                           |     |    |    |    |     | 132 | 67    | 136  | 69   | 12  | 8     | 558   | 282       | 480,000     | 700,000     | 50,600,000  |   |   |
| 6                               | Xã Phú Hòa Đông                        | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 12575          | 5128        |                           |     |    |    |    |     |     |       |      | 16   | 8   | 12575 | 5128  | 0         | 2,550,000   | 0           | 0           |   |   |
| 7                               | Xã Trung Lập Hạ                        | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 45             | 23          |                           |     |    |    |    |     | 37  | 16    | 132  | 55   | 4   | 4     | 214   | 94        | 0           | 1,900,000   | 0           | 0 |   |
| 8                               | Xã Phú Mỹ Hưng                         | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 1251           | 638         |                           |     |    |    |    |     |     |       | 51   | 26   | 10  | 10    | 1302  | 664       | 0           | 5,040,000   | 0           | 0 |   |
| 9                               | Xã Tân Thông Hội                       | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              | 502               | 320                   | 1250           | 870         |                           |     |    |    |    |     | 720 | 462   | 5330 | 3572 | 12  | 8     | 7802  | 5224      | 3,000,000   | 0           | 324,100,000 |   |   |
| 10                              | Xã Tân An Hội                          | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 112            | 64          |                           |     |    |    |    |     |     |       | 44   | 25   | 8   | 8     | 156   | 89        | 0           | 26,200,000  | 0           | 0 |   |
| 11                              | Xã Phước Hiệp                          | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 672            | 299         |                           |     |    |    |    |     |     |       | 175  | 81   | 25  | 9     | 847   | 380       | 0           | 72,650,000  | 0           | 0 |   |
| 12                              | Xã Thái Mỹ                             | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    | 45                               | 13            |              |                   |                       | 2180           | 958         |                           |     |    |    |    |     |     |       | 45   | 14   | 22  | 15    | 2270  | 985       | 0           | 11,750,000  | 0           | 0 |   |
| 13                              | Xã Bình Mỹ                             | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              | 233               | 73                    | 560            | 314         |                           |     |    |    |    |     |     |       | 245  | 55   | 28  | 6     | 1038  | 442       | 0           | 0           | 0           | 0 |   |
| 14                              | Xã An Phú                              | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 1080           | 545         |                           |     |    |    |    |     |     |       |      | 6    | 6   | 1080  | 545   | 0         | 0           | 0           | 0           |   |   |
| 15                              | Xã Hòa Phú                             | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              | 180               | 65                    | 40             | 35          |                           |     |    |    |    |     |     | 60    | 38   | 3    | 5   | 100   | 73    | 0         | 1,000,000   | 0           | 0           |   |   |
| 16                              | Xã Tân Phú Trung                       | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       |                |             |                           |     |    |    |    |     |     |       |      |      |     | 2     | 1     | 180       | 65          | 0           | 600,000     | 0 | 0 |
| 17                              | Thị trấn Củ Chi                        | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       |                |             |                           |     |    |    |    |     |     |       |      |      |     |       |       |           |             | 0           | 33,600,000  | 0 | 0 |
| 18                              | Xã An Nhơn Tây                         | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               | 9                                  | 3                                | 6             | 3            | 136               | 73                    | 79             | 43          | 451                       | 188 |    |    |    |     | 16  | 12    | 514  | 152  | 16  | 15    | 1211  | 474       | 300,000     | 66,590,000  | 3,300,000   |   |   |
| 19                              | Xã Phước Thạnh                         | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 3852           | 1685        |                           |     |    |    |    |     |     |       | 42   | 20   | 23  | 8     | 3894  | 1705      | 0           | 4,200,000   | 0           | 0 |   |
| 20                              | Xã Tân Thạnh Tây                       | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 20             | 11          |                           |     |    |    |    |     |     |       | 1112 | 736  | 8   | 8     | 1132  | 747       | 0           | 4,500,000   | 0           | 0 |   |
| 21                              | Xã Trung L. Thượng                     | 1         |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | 160            | 138         |                           |     |    |    |    |     |     |       |      |      | 8   | 8     | 160   | 138       | 0           | 0           | 0           | 0 |   |
| Tổng cộng                       |                                        |           | 21                                                             | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 0                          | 0                       | 0                            | 0                          | 0             | 3                                  | 51                               | 16            | 136          | 73                | 1284                  | 647            | 42487       | 20399                     | 0   | 0  | 0  | 0  | 993 | 609 | 14816 | 8937 | 373  | 170 | 59776 | 30684 | 3,780,000 | 260,960,000 | 450,529,000 |             |   |   |
| Tổng cộng số buổi               |                                        |           |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              | 1                          |               | 3                                  |                                  |               |              | 30                |                       | 15             |             |                           |     |    |    |    |     |     |       |      |      |     |       |       |           |             |             |             |   |   |
| Tổng cộng số chuyên đề          |                                        |           |                                                                |              |              |                   |                         |                            |                         |                              | 1                          |               | 3                                  |                                  |               | 1            | 11                |                       | 5              |             |                           |     |    |    |    |     |     |       |      |      |     |       |       |           |             |             |             |   |   |

Chuyên viên phụ trách

Ngày 07 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG



Phan Nghĩa Bình Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG 6 THÁNG NĂM 2021  
Thời điểm: Đến ngày 07/7/2021

| Stt                    |  | Tên đơn vị Trung tâm HTCB xã, thị trấn | Số TTHTCB | TỔNG SỐ LƯỢT THAM GIA |              |              |                   |                         |                           |                         |                                 |                            |               |                                    |                                  |               |              |                   |                       | KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG |             |                           |      |       |      |       |      |       |       |      |      |        |        |            |               |               |   |
|------------------------|--|----------------------------------------|-----------|-----------------------|--------------|--------------|-------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------|---------------|------------------------------------|----------------------------------|---------------|--------------|-------------------|-----------------------|--------------------|-------------|---------------------------|------|-------|------|-------|------|-------|-------|------|------|--------|--------|------------|---------------|---------------|---|
|                        |  |                                        |           | Xóa mù chữ GDTTS KBC  | Phổ cập THCS | Phổ cập THPT | Ngoại ngữ Tin học | Tập huấn KT nông nghiệp | Tập huấn KT nghề ngắn hạn | Tư vấn kinh tế gia đình | Tuyên truyền giáo dục pháp luật | Tuyên truyền Y tế sức khỏe | Văn nghệ TDTT | Tuyên truyền Giáo dục kỹ năng sống | Tuyên truyền Giáo dục môi trường | Nội dung khác | Tổng số buổi | Tổng số chuyên đề | Tổng số lượt tham gia | Kinh phí Huyện     | Kinh phí xã | Kinh phí mạnh thường quân |      |       |      |       |      |       |       |      |      |        |        |            |               |               |   |
| 1                      |  | 2                                      | 3         | 6                     | 7            | 8            | 9                 | 10                      | 11                        | 12                      | 13                              | 14                         | 15            | 16                                 | 17                               | 18            | 19           | 20                | 21                    | 22                 | 23          | 24                        | 25   | 26    | 27   | 28    | 29   | 30    | 31    | 32   | 33   | 34     | 35     | 36         | 37            | 38            |   |
|                        |  |                                        |           | TS                    | Nữ           | TS           | Nữ                | TS                      | Nữ                        | TS                      | Nữ                              | TS                         | Nữ            | TS                                 | Nữ                               | TS            | Nữ           | TS                | Nữ                    | TS                 | Nữ          | TS                        | Nữ   | TS    | Nữ   | TS    | Nữ   | TS    | Nữ    | Boài | Củe  | TS     | Nữ     |            |               |               |   |
| 1                      |  | Xã Trung An                            | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 0                         | 0                       | 0                               | 11                         | 0             | 63                                 | 37                               | 35            | 11           | 117               | 49                    | 16                 | 5           | 287                       | 257  | 560   | 310  | 6     | 0    | 6144  | 2766  | 99   | 75   | 7239   | 3435   | 2.520.000  | 45.745.000    | 673.579.000   |   |
| 2                      |  | Xã Phước Vĩnh An                       | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 0                         | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 903               | 566                   | 35462              | 18718       | 800                       | 532  | 0     | 0    | 176   | 104  | 3398  | 2422  | 117  | 45   | 40939  | 22342  | 0          | 122.440.000   | 212.700.000   |   |
| 3                      |  | Xã Phạm Văn Cội                        | 1         | 0                     | 0            | 12           | 7                 | 13                      | 0                         | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 333               | 162                   | 7829               | 4676        | 1349                      | 555  | 2716  | 1349 | 637   | 344  | 8392  | 5123  | 173  | 59   | 21481  | 12216  | 0          | 71.670.000    | 0             |   |
| 4                      |  | Xã Tân Thành Đông                      | 1         | 0                     | 0            | 70           | 23                | 41                      | 13                        | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 0                 | 0                     | 670                | 310         | 237                       | 122  | 214   | 133  | 0     | 0    | 6825  | 3335  | 99   | 49   | 8057   | 3936   | 0          | 8.000.000     | 0             |   |
| 5                      |  | Xã Nhuận Đức                           | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 51                        | 24                      | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 641               | 230                   | 433                | 227         | 470                       | 120  | 1696  | 807  | 1390  | 722  | 1564  | 911   | 408  | 295  | 6245   | 3041   | 480.000    | 40.760.000    | 415.350.000   |   |
| 6                      |  | Xã Phú Hòa Đông                        | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 55                        | 30                      | 0                               | 0                          | 30            | 12                                 | 55                               | 18            | 0            | 474               | 193                   | 13621              | 5687        | 0                         | 0    | 635   | 451  | 215   | 187  | 94    | 44    | 146  | 55   | 15179  | 6622   | 0          | 21.000.000    | 0             |   |
| 7                      |  | Xã Trung Lập Hạ                        | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 21                        | 9                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 250               | 121                   | 1347               | 671         | 0                         | 0    | 0     | 0    | 344   | 157  | 634   | 300   | 50   | 126  | 2596   | 1258   | 0          | 405.630.000   | 0             |   |
| 8                      |  | Xã Phú Mỹ Hưng                         | 1         | 0                     | 0            | 7            | 1                 | 16                      | 4                         | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 47                               | 15            | 0            | 148               | 49                    | 1504               | 796         | 0                         | 0    | 0     | 0    | 92    | 44   | 1440  | 710   | 43   | 43   | 3254   | 1619   | 0          | 65.535.000    | 0             |   |
| 9                      |  | Xã Tân Thông Hội                       | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 36                        | 12                      | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 15786             | 1342                  | 2466               | 1675        | 0                         | 0    | 169   | 83   | 2330  | 1315 | 12203 | 9840  | 133  | 92   | 32990  | 14267  | 3.000.000  | 6.675.000     | 372.965.000   |   |
| 10                     |  | Xã Tân An Hội                          | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 0                         | 0                       | 0                               | 166                        | 50            | 188                                | 74                               | 0             | 0            | 138               | 25                    | 507                | 322         | 240                       | 158  | 346   | 182  | 48    | 18   | 1566  | 836   | 60   | 60   | 3199   | 1665   | 0          | 176.340.000   | 90.000.000    |   |
| 11                     |  | Xã Phước Hiệp                          | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 8                       | 2                         | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 0                 | 0                     | 1116               | 512         | 150                       | 0    | 0     | 0    | 970   | 691  | 798   | 169   | 59   | 39   | 3042   | 1374   | 0          | 97.200.000    | 0             |   |
| 12                     |  | Xã Thái Mỹ                             | 1         | 0                     | 0            | 31           | 2                 | 35                      | 7                         | 0                       | 0                               | 208                        | 70            | 45                                 | 13                               | 0             | 0            | 130               | 17                    | 3939               | 1976        | 485                       | 53   | 862   | 441  | 2101  | 1383 | 2739  | 482   | 275  | 164  | 10575  | 4444   | 0          | 55.050.000    | 0             |   |
| 13                     |  | Xã Bình Mỹ                             | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 0                         | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 2962              | 90                    | 3843               | 2059        | 196                       | 0    | 0     | 0    | 280   | 170  | 662   | 140   | 213  | 33   | 7943   | 2459   | 0          | 0             | 0             |   |
| 14                     |  | Xã An Phú                              | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 26                        | 16                      | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 138               | 40                    | 2177               | 1076        | 105                       | 0    | 4842  | 2505 | 4842  | 2505 | 2064  | 1023  | 141  | 141  | 14194  | 7165   | 0          | 11.880.000    | 0             |   |
| 15                     |  | Xã Hòa Phú                             | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 0                         | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 35                | 10                    | 263                | 180         | 0                         | 0    | 5744  | 2840 | 0     | 0    | 342   | 193   | 82   | 86   | 6384   | 3223   | 0          | 5.600.000     | 0             |   |
| 16                     |  | Xã Tân Phú Trung                       | 1         | 0                     | 0            | 8            | 1                 | 43                      | 14                        | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 910                                | 210                              | 0             | 0            | 180               | 65                    | 0                  | 0           | 1070                      | 495  | 0     | 0    | 0     | 0    | 0     | 0     | 0    | 178  | 73     | 2211   | 785        | 0             | 5.400.000     | 0 |
| 17                     |  | Thị trấn Củ Chi                        | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 0                         | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 2337              | 1411                  | 125                | 87          | 625                       | 96   | 0     | 0    | 348   | 125  | 7409  | 4111  | 111  | 45   | 10844  | 5830   | 0          | 55.660.000    | 23.000.000    |   |
| 18                     |  | Xã An Nhơn Tây                         | 1         | 0                     | 0            | 18           | 0                 | 39                      | 11                        | 0                       | 0                               | 95                         | 47            | 26                                 | 20                               | 197           | 105          | 487               | 218                   | 2369               | 1221        | 287                       | 8    | 53    | 28   | 434   | 214  | 2473  | 880   | 155  | 62   | 6478   | 2752   | 8.980.000  | 149.130.000   | 3.300.000     |   |
| 19                     |  | Xã Phước Thạnh                         | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 16                        | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 3125              | 1460                  | 14144              | 6835        | 0                         | 0    | 0     | 0    | 45    | 25   | 5513  | 2915  | 94   | 55   | 22867  | 11251  | 74.642.000 | 44.139.000    | 50.800.000    |   |
| 20                     |  | Xã Tân Thành Tây                       | 1         | 0                     | 0            | 0            | 0                 | 0                       | 0                         | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 0                                  | 0                                | 0             | 0            | 1321              | 510                   | 596                | 439         | 110                       | 75   | 245   | 237  | 180   | 66   | 10143 | 5965  | 63   | 56   | 12595  | 7292   | 0          | 41.750.000    | 197.250.000   |   |
| 21                     |  | Xã Trung L. Thượng                     | 1         | 0                     | 0            | 18           | 6                 | 26                      | 10                        | 0                       | 0                               | 0                          | 0             | 70                                 | 38                               | 0             | 0            | 0                 | 0                     | 160                | 138         | 455                       | 139  | 0     | 0    | 0     | 0    | 650   | 311   | 182  | 182  | 1379   | 642    | 0          | 17.100.000    | 0             |   |
| Tổng cộng              |  |                                        |           | 21                    | 0            | 0            | 164               | 40                      | 450                       | 168                     | 0                               | 510                        | 179           | 1404                               | 425                              | 232           | 116          | 29505             | 6558                  | 92587              | 47610       | 6866                      | 2610 | 18082 | 9366 | 14438 | 8070 | 75453 | 42476 | 2881 | 1835 | 239691 | 117618 | 89.622.000 | 1.446.724.000 | 2.038.944.000 |   |
| Tổng cộng số buổi      |  |                                        |           | 0                     | 0            | 296          | 356               | 0                       | 14                        | 45                      | 60                              | 335                        | 546           | 254                                | 230                              | 244           | 501          | 2881              |                       |                    |             |                           |      |       |      |       |      |       |       |      |      |        |        |            |               | 3.575.290.000 |   |
| Tổng cộng số chuyên đề |  |                                        |           | 0                     | 0            | 260          | 372               | 0                       | 13                        | 38                      | 19                              | 142                        | 276           | 177                                | 156                              | 76            | 306          | 1835              |                       |                    |             |                           |      |       |      |       |      |       |       |      |      |        |        |            |               |               |   |

Chuyên viên phụ trách

Phan Nghĩa Bình Nam

Ngày 07 tháng 7 năm 2021

PHÒNG PHÒNG

Trần Văn Loan